

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 103/2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về khai báo y tế, kiểm tra y tế, xử lý y tế đối với người, phương tiện vận tải nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh Việt Nam và thi thể, hài cốt, tro cốt, mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người vận chuyển qua biên giới Việt Nam; giám sát bệnh truyền nhiễm trong khu vực cửa khẩu; tổ chức kiểm dịch y tế biên giới và trách nhiệm trong việc thực hiện kiểm dịch y tế biên giới.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chủ hàng là người sở hữu hàng hóa hoặc được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với hàng hóa khi nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh qua cửa khẩu.

2. Chủ phương tiện vận tải là người sở hữu phương tiện hoặc người quản lý, người thuê, người khai thác phương tiện hoặc người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với phương tiện khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu.

3. Giấy chứng nhận xử lý y tế là văn bản xác nhận đã áp dụng các biện pháp xử lý y tế do tổ chức kiểm dịch y tế biên giới cấp, bao gồm các giấy chứng nhận về: tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng; kiểm tra và xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải; miễn hoặc đã xử lý vệ sinh tàu thuyền; kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt; kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người.

4. Hàng hóa là các sản phẩm hữu hình có khả năng mang tác nhân gây bệnh, mang trung gian truyền bệnh được nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh qua cửa khẩu kể cả bưu phẩm, bưu kiện, hành lý, hàng tiêu dùng trên phương tiện vận tải.

5. Hành lý là vật dụng cần thiết cho nhu cầu sinh hoạt cá nhân hoặc cho mục đích chuyến đi của người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh bao gồm hành lý mang theo người, hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi.

6. Khu vực cửa khẩu là nơi hành khách, phương tiện vận tải và hàng hóa được nhập cảnh, xuất cảnh, nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh; là nơi thi thể, hài cốt, tro cốt, mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người được vận chuyển qua biên giới Việt Nam đồng thời là nơi cung cấp dịch vụ cho hành khách, chủ phương tiện vận tải, chủ hàng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Kiểm dịch viên y tế là người thực hiện các hoạt động kiểm dịch y tế biên giới.

Chương II

NỘI DUNG KIỂM DỊCH Y TẾ BIÊN GIỚI

Mục 1

KIỂM DỊCH Y TẾ ĐỐI VỚI NGƯỜI

Điều 3. Khai báo y tế đối với người

Người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh phải khai báo y tế theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 4. Kiểm tra y tế đối với người

1. Kiểm tra việc khai báo y tế của người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh quy định tại Điều 3 Nghị định này.

2. Kiểm tra thực tế đối với người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch hoặc bị nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm:

- a) Quan sát thể trạng;
- b) Kiểm tra thân nhiệt;
- c) Khám lâm sàng đối với các đối tượng nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm;
- d) Lấy mẫu xét nghiệm khi nghi ngờ có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.

3. Việc kiểm tra thực tế đối với một người phải hoàn thành trong thời gian tối đa là 02 giờ làm việc tính từ thời điểm hoàn thành xong việc kiểm tra khai báo y tế đối với người đó.

Trường hợp người bị kiểm tra thuộc diện phải xử lý y tế thì thực hiện việc xử lý y tế theo quy định tại Điều 5 Nghị định này. Trường hợp người bị kiểm tra không thuộc diện phải xử lý y tế hoặc đã hết thời gian kiểm tra thực tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo cho cơ quan phụ trách cửa khẩu để làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh cho người đó.

Điều 5. Xử lý y tế đối với người

1. Đối với người mang hoặc có dấu hiệu mang mầm bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A phải thực hiện các biện pháp xử lý y tế sau đây:

- a) Cách ly y tế;
- b) Sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế, khử trùng tẩy uế và áp dụng các biện pháp dự phòng;
- c) Khám bệnh, chữa bệnh.

2. Đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này mà không có giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng theo mẫu số 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này thì tổ chức kiểm dịch y tế biên giới thực hiện tiêm chủng hoặc áp dụng biện pháp dự phòng.

3. Việc áp dụng các biện pháp xử lý y tế theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này phải hoàn thành trong thời gian tối đa là 01 giờ cho một người phải áp dụng biện pháp xử lý y tế kể từ thời điểm được phát hiện.

4. Sau khi xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới lập danh sách những người tiếp xúc với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này gửi về các đơn vị theo quy định của Bộ Y tế và yêu cầu người đó phải đến cơ sở y tế nơi cư trú để được hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh và theo dõi sức khỏe.

Mục 2

KIỂM DỊCH Y TẾ ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Điều 6. Khai báo y tế đối với phương tiện vận tải

1. Chủ phương tiện vận tải phải khai báo y tế phương tiện vận tải khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh.

2. Đối với tàu bay:

a) Khai báo y tế theo mẫu số 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này khi tàu bay dừng ở vị trí đỗ;

b) Trong trường hợp hành khách hoặc phi hành đoàn trên chuyến bay có triệu chứng hoặc có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm quy định tại mẫu số 2 khoản này, cơ trưởng hoặc tiếp viên trưởng phải liên lạc bằng vô tuyến điện cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới tại cửa khẩu trước khi tàu bay hạ cánh.

3. Đối với tàu thuyền:

a) Khai báo y tế theo mẫu số 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này trước khi tàu thuyền đến vùng đón, trả hoa tiêu ít nhất 02 giờ;

b) Trong trường hợp hành khách hoặc thuyền viên trên tàu thuyền có triệu chứng hoặc có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm quy định tại mẫu số 3 khoản này, thuyền trưởng hoặc sĩ quan được ủy quyền trên tàu thuyền phải liên lạc bằng vô tuyến điện cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới tại cửa khẩu trước khi tàu thuyền cập cảng; treo tín hiệu kiểm dịch y tế biên giới quy định tại Điều 9 Nghị định này.

4. Đối với phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt:

Trong trường hợp phương tiện xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch hoặc trên phương tiện có người, hàng hóa có dấu hiệu mang mầm bệnh truyền nhiễm, chủ phương tiện vận tải phải khai báo y tế theo mẫu số 4 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này khi phương tiện vào khu vực cửa khẩu.

Điều 7. Kiểm tra y tế đối với phương tiện vận tải**1. Kiểm tra giấy khai báo:**

a) Đối với tàu bay kiểm tra giấy khai báo y tế quy định tại điểm a và thông tin quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định này;

b) Đối với tàu thuyền kiểm tra giấy khai báo y tế quy định tại điểm a và thông tin quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định này;

c) Đối với phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt kiểm tra giấy khai báo y tế quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.

2. Kiểm tra thực tế:

a) Các phương tiện vận tải sau đây phải được kiểm tra thực tế:

- Phương tiện vận tải xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch hoặc bị nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm;

- Phương tiện vận tải chở người, hàng hóa xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch hoặc bị nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.

b) Trình tự kiểm tra thực tế:

- Đánh giá tình trạng vệ sinh chung, trung gian truyền bệnh hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm trên phương tiện vận tải;

- Lấy mẫu xét nghiệm trong trường hợp nghi ngờ có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm trên phương tiện vận tải.

3. Việc kiểm tra thực tế đối với một phương tiện vận tải phải hoàn thành trong thời gian tối đa là 01 giờ làm việc tính từ thời điểm hoàn thành xong việc kiểm tra khai báo y tế đối với phương tiện vận tải đó.

Trường hợp phương tiện vận tải bị kiểm tra thuộc diện phải xử lý y tế thì thực hiện việc xử lý y tế theo quy định tại Điều 8 Nghị định này. Trường hợp phương tiện vận tải bị kiểm tra không thuộc diện phải xử lý y tế hoặc đã hết thời gian kiểm tra thực tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới cấp giấy chứng nhận đã kiểm tra y tế đối với phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không theo mẫu số 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; cấp giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh đối với tàu thuyền theo mẫu số 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và phải thông báo cho cơ quan phụ trách cửa khẩu để làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh cho phương tiện vận tải đó.

Điều 8. Xử lý y tế đối với phương tiện vận tải

1. Các phương tiện vận tải phải được xử lý y tế trước khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh: